TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2017/DS-PT
Ngày: 30-11-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình

Các Thẩm phán: 1. Ông Y Phi Kbuôr

2. Bà Lưu Thị Thu Hường

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/2017/TLPT-DS ngày 18-10-2017, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2017/DS-ST ngày 31-8-2017 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 198/2017/QĐ-PT ngày 23-11-2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngụy Công T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: thôn 8, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn 10, xã K, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đỗ Thị Hằng N- Luật sư Văn phòng Luật sư Đ, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hồ Thị Hoa S, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn 04, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Người kháng cáo: Anh Nguyễn Thành T1, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về yêu cầu khởi kiện theo trình bày của nguyên đơn ông Ngụy Công T có nội dung như sau:

Khoảng cuối năm 2012, chị Ngụy Thanh P (là con gái ông T) có quen biết với anh Nguyễn Thành T1. Sau thời gian tìm hiểu, đến ngày 18-4-2013, anh T1 và chị P đã tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C. Trong khoảng thời gian đó, anh T1 có đề nghị ông T cho vay tiền để xây nhà cửa và trang trải nợ nần, ông T xác định sau này anh T1 cũng trở thành con rể của mình, nên ngày 10-4-2013, ông T đã cho anh T1 vay số tiền 560.000.000 đồng và hai bên đã thỏa thuận lập, ký vào "Giấy vay mượn tiền: Việt Nam đồng" đề ngày 10-4-2013. Nội dung giấy vay tiền do ông T viết tại nhà của ông T, anh T1 đọc lại giấy vay và hai bên thống nhất ký, ghi họ tên vào giấy mượn tiền, ông T đã bàn giao cho anh T1 số tiền vay là 560.000.000 đồng ngay sau đó. Khi hai bên lập giấy vay mượn tiền với nhau, chỉ có ông T và anh T1, không ai chứng kiến.

Khi cho anh T1 vay số tiền nêu trên, ông T xác định nếu sau này cuộc sống hôn nhân của anh T1 và con gái ông T hạnh phúc, thì số tiền này ông T sẽ cho vợ chồng con gái ông T và không yêu cầu phải trả lại, nên mới không ghi thời hạn trả nợ trong giấy vay mượn tiền. Nhưng đến cuối năm 2016, sau khi chị P và anh T1 ly hôn nhau, ông T đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu anh T1 phải trả số tiền 560.000.000 đồng đã vay nhưng anh T1 không thực hiện.

Do đó ông T khởi kiện yêu cầu anh T1 phải trả cho ông số tiền gốc đã vay là 560.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Ông T vẫn đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo đảm trong quá trình thi hànhh án. Đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc đề nghị ông T rút đơn ngăn chặn chuyển dịch tài sản để anh T1 tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị S, thì ông T chỉ đồng ý nếu anh T1 trả hết số tiền nêu trên cho ông T.

Ý kiến trình bày của bị đơn anh Nguyễn Thành T1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có nội dung như sau:

Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2013 đến ngày 18-4-2013, anh T1 chưa có quen biết gì với ông T nên không có vay mượn tiền của ông T. Đến tháng 4-2013, anh T1 mới biết ông T khi anh T1 và chị P chuẩn bị tổ chức lễ cưới. Việc anh T1 và chị P đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18-4-2013 là do sự sắp xếp của gia đình. Anh T1 xác định anh không vay mượn của ông T số tiền 560.00.000 đồng như trong nội dung giấy vay mượn tiền mà ông T cung cấp và nội dung khởi kiện của ông T, chữ ký và chữ viết đứng tên "Nguyễn Thành T1" trong "Giấy vay mượn tiền: Việt Nam đồng" đề ngày 10-4-2013, là chữ ký và chữ viết của anh T1. Tuy nhiên, chữ ký và chữ viết này có thể là do trước đây anh T1 có ký trước (ký khống) một số giấy tờ để chị P làm thủ tục xác nhận có nhà trên đất để vay vốn ngân hàng, còn sau đó chị P có đưa những tờ giấy này cho ông T hay không thì anh T1 không biết. Tại thời điểm viết giấy vay tiền giữa anh T1 với ông T chưa có mối quan hệ cha vợ và con rể, ông T không bàn bạc gì với vợ mà dễ dàng cho anh T1 mượn ngay số tiền lớn như vậy là vô lý. Mặt khác, anh T1 là người có đủ

năng lực hành vi dân sự, là người vay tiền nhưng anh T1 lại không ghi giấy vay mà lại để ông T tự viết rồi đọc lại cho anh T1 nghe, sau đó ký vào là không hợp lý. Như vậy việc vay mượn là không có khả năng xảy ra, không có việc anh T1 vay mượn tiền của ông T, giấy vay tiền mà ông T dùng để khởi kiện anh T1 có sự giả mạo. Do đó việc ông T khởi kiện yêu cầu anh T1 phải trả số tiền 560.000.000 đồng, thì anh không đồng ý, đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông T.

Hiện nay tài sản duy nhất của anh T1 chỉ có thửa đất đã ký hợp đồng chuyển nhượng cho chị S với giá là 325.000.000 đồng và anh T1 đã nhận số tiền đặt cọc của chị S là 160.000.000 đồng. Tuy nhiên thửa đất này đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho ông T. Do đó đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Hoa S có nội dung như sau:

Vào ngày 14-4-2017, chị Hồ Thị Hoa S và anh Nguyễn Thành T1 có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đối với thửa đất 9451, tờ bản đồ số 40, diện tích 108m^2, toạ lạc tại thôn 10, xã K, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA xxxxxx do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 08-9-2010; giá chuyển nhượng là 325.000.000 đồng, nhưng hợp đồng ghi là 20.000.000 đồng. Quá trình ký hợp đồng chị S đã giao cho anh T1 số tiền đặt cọc là 160.000.000 đồng. Hiện nay diện tích đất này đã bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của ông T, nên yêu cầu Toà án buộc anh Nguyễn Thành T1 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chị S. Trường hợp không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên được, thì yêu cầu Toà án tuyên hợp đồng vô hiệu và buộc anh T1 phải trả lại cho chị S số tiền đã đặt cọc là 160.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 31-8-2017 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các điều 147, 235, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 124, 407, 463, 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Ngụy Công T.

Buộc anh Nguyễn Thành T1 có nghĩa vụ trả cho ông Ngụy Công T số tiền gốc 560.000.000đ *(Năm trăm sáu mươi triệu đồng)*. Áp dụng khoản 2 Điều 357 BLDS năm 2015 để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

Tiếp tục thực hiện Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2017/QĐ-BPKCTT ngày 05/5/2017 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin để đảm bảo việc thi hành án. Đối với số tiền 30.000.000 đồng trong tài khoản 5229205023131 phong toả tại Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C để đảm bảo cho việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ được xử lý khi có quyết định huỷ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Chị Hồ Thị Hoa S.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa anh Nguyễn Thành T1 và chị Hồ Thị Hoa S được Văn phòng công chứng C, tỉnh Đắk Lắk chứng nhận ngày 14-4-2017, đối với thửa đất 9451, tờ bản đồ số 40, diện tích 108 m^2, toạ lạc tại thôn 10, xã K, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA xxxxxx do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 08-9-2010 bị vô hiệu.

Buộc anh Nguyễn Thành T1 có nghĩa vụ trả cho chị Hồ Thị Hoa S số tiền đặt cọc là 160.000.000đ *(Một trăm sáu mươi triệu đồng).* Áp dụng khoản 2 Điều 357 BLDS năm 2015 để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Thành T1 phải chịu 34.700.000 đồng *(Ba mươi tư triệu bảy trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Ngụy Công T được nhận lại số tiền 13.200.000 đồng *(Mười ba triệu hai trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: AA/2014/0043593 ngày 28/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Chị Hồ Thị Hoa S được nhận lại số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: AA/2016/0000057 ngày 18/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự C, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về chi phí tố tụng khác:

Anh Nguyễn Thành T1 phải chịu 3.960.000 đồng *(Ba triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng)* chi phí giám định chữ ký.

Ông Nguỵ Công T được nhận lại số tiền 3.960.000 đồng *(Ba triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng)* tạm ứng chi phí giám định chữ ký sau khi thu được của anh Nguyễn Thành T1.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11-9-2017, bị đơn anh Nguyễn Thành T1 có đơn kháng cáo với nội dung bản án sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích

hợp pháp của anh T1. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của nguyên đơn để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện và đã cung cấp chứng cứ là giấy vay mượn tiền có chữ ký của bị đơn xác nhận khoản tiền vay. Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho rằng giấy vay mượn tiền là giả mạo, bị đơn không có vay tiền của nguyên đơn, nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc bị đơn phải trả số tiền đã vay 560.000.000 đồng, là có căn cứ và đúng pháp luật. Do đó yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành T1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngụy Công T: Ông T xác định vào ngày 10-4-2013, ông T có cho anh Nguyễn Thành T1 vay số tiền là 560.000.000 đồng và không tính lãi, khi vay có lập giấy vay mượn tiền và bên vay là anh T1 đã ký, ghi họ tên ở mục người vay mượn tiền, thời hạn vay thỏa thuận khi nào ông T cần số tiền trên, anh T1 sẽ hoàn trả đầy đủ. Đến cuối năm 2016, ông T đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu nhưng anh T1 không thực hiện việc trả nợ, nên ông T đã khởi kiện yêu cầu anh T1 phải trả lại số tiền đã vay là 560.000.000 đồng, về lãi suất thì ông T không yêu cầu.

[2] Đối với kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Thành T1, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn anh T1 thừa nhận chữ ký và chữ viết đứng tên Nguyễn Thành T1 ở mục người vay mượn tiền trong "Giấy vay mượn tiền: Việt Nam đồng" ngày 10-4-2013, là chữ ký và chữ viết của anh. Ý kiến của anh T1 và người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của anh T1 cho rằng thực tế anh T1 không có vay mượn và nhận tiền của ông T, giấy vay mượn tiền có sự giả mạo, lý do có chữ ký và chữ viết này có thể do trước đây anh T1 có ký trước (ký khống) một số giấy tờ để chị P (là vợ anh P) làm thủ tục xác nhận có nhà đất để vay vốn ngân hàng. Tuy nhiên anh T1 không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình, đồng thời nguyên đơn cũng không thừa nhận nội dung này. Do đó lời trình bày

của anh T1 và người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của anh T1, là không có cơ sở để chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm anh T1 có cung cấp tài liệu là hợp đồng xây nhà của anh và bảng phân công, thời khóa biểu môn học. Anh T1 cho rằng căn nhà anh đã xây, hoàn tất việc thanh toán tiền công vào ngày 35-3-2013, tức là trước thời gian mà ông T cho rằng anh vay tiền, nên không có việc anh vay tiền của ông T để xây nhà; mặt khác thời điểm đó anh đang dạy tại Trường học theo thời khóa biểu, nên không thể đến nhà ông T để vay tiền được. Tuy nhiên, việc bị đơn sử dụng tiền vay vào mục đích gì thì nguyên đơn không thể biết và không buộc phải biết, đồng thời tài liệu mà anh T1 cung cấp cũng không đủ cơ sở để chứng minh anh T1 không có vay tiền của ông T.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của đương sự; căn cứ giấy vay mượn tiền đề ngày 10-4-2013 và Kết luận giám định số 26/PC54 ngày 09-6-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk đã giám định và kết luận chữ ký và chữ viết đứng tên Nguyễn Thành T1 dưới mục người vay mượn tiền trong "Giấy vay mượn tiền: Việt Nam đồng" đề ngày 10-4-2013, là chữ ký, chữ viết của anh Nguyễn Thành T1. Hội đồng xét xử xét thấy, có đủ cơ sở khẳng định anh Nguyễn Thành T1 có vay của ông Ngụy Công T số tiền là 560.000.000 đồng và hiện nay vẫn chưa trả, nên bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận đơn khởi kiện của ông Ngụy Công T, buộc anh Nguyễn Thành T1 có nghĩa vụ trả cho ông Ngụy Công T số tiền gốc 560.000.000 đồng, là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Thành T1 và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn anh Nguyễn Thành T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Điều 463, Điều 469, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Thành T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 31-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Ngụy Công T.

Buộc anh Nguyễn Thành T1 có nghĩa vụ trả cho ông Ngụy Công T số tiền gốc 560.000.000đ (Năm trăm sáu mươi triệu đồng). Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2017/QĐ-BPKCTT ngày 05-5-2017 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Đối với số tiền 30.000.000 đồng trong tài khoản 5229205023131 phong toả tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C để đảm bảo cho việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, sẽ được xử lý khi có quyết định huỷ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật.

[2] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Thành T1 phải chịu 34.700.000 đồng (Ba mươi tư triệu bảy trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Ngụy Công T được nhận lại số tiền 13.200.000 đồng (Mười ba triệu hai trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: AA/2014/0043593 ngày 28-4-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Thành T1 phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000128 ngày 18-9-2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về chi phí tố tụng khác: Anh Nguyễn Thành T1 phải chịu 3.960.000 đồng (Ba triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng) chi phí giám định chữ ký; Ông Ngụy Công T được nhận lại số tiền 3.960.000 đồng (Ba triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng) tạm ứng chi phí giám định chữ ký sau khi thu được của anh Nguyễn Thành T1.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu vt, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Công Bình